TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

# Từ Thái Hư đến Tinh Vân với công cuộc canh tân Phật giáo

ISSN: 2734-9195 13:41 12/06/2026

Từ Đại sư Thái Hư đến Đại sư Tinh Vân, trục tư tưởng của Phật giáo Nhân gian vận hành dựa trên tinh thần nhất quán nội tại: Giá trị tự do. Khái niệm này không chỉ giới hạn ở sự tự do giải thoát mang tính cá thể, mà được mở rộng thành sự giải thoát của toàn cộng đồng xã hội.

**Tóm tắt**

*Nói về lịch sử "**Phật giáo Nhân gian**" (人間佛教), Thái Hư Đại Sư cùng Tinh Vân Đại Sư chính là hai bậc tôn túc có ảnh hưởng sâu rộng nhất. Các ngài vừa là những nhà tư tưởng Phật giáo vĩ đại, vừa là những nhà hành động có năng lực xuất sắc. Khảo sát từ nhãn quan vĩ mô kết hợp giữa cách mạng Trung Hoa Dân Quốc và cách mạng Phật giáo, bài viết trình bày một cách hệ thống về tư tưởng "Phật giáo Nhân gian" của hai vị đại sư, đồng thời biện phân những điểm đồng - dị trên nhiều phương diện.*

*Tác giả đưa ra nhận định, trong hệ phả Phật giáo thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc, tư tưởng "Phật giáo Nhân gian" của Thái Hư Đại Sư và Tinh Vân Đại Sư thực chất là nhất mạch tương thừa, hoàn toàn đồng nhất về mặt tinh thần nội tại lẫn bản chất, và đều có biểu hiện sinh động tinh thần cách mạng cùng ý chí tự do của dân tộc Trung Hoa Dân Quốc.*

## Lời mở đầu

Tâm hồn và văn hóa của một dân tộc thường được kết tinh rõ nét trong **tín ngưỡng tôn giáo,** sinh mệnh tinh thần của một thời đại cũng luôn được biểu hiện ngay trong chính hệ thống tín ngưỡng ấy. Dẫu cho đời sống tinh thần của Trung Hoa thời cận - hiện đại có phần ly khai khỏi các mô thức tôn giáo cổ đại, song cho đến nay, tôn giáo vẫn là nền tảng an thân lập mệnh của đông đảo người dân, là một trong những nguồn mạch cốt lõi tưới tẩm cho sức sống tinh thần của quốc gia này. Giữa cục diện đa tôn giáo tại Trung Hoa, Phật giáo hiển nhiên là tôn giáo có tư tưởng nghĩa lý thâm sâu, phương pháp thực hành phong phú, động lực phát triển mạnh mẽ và sở hữu đức tin của số lượng tín đồ đông

đảo.

Đặt trong thế giằng co giữa "cổ và kim", "phương Đông và phương Tây", **Phật giáo Trung Hoa** thời cận - hiện đại đã trải qua những biến chuyển vô cùng phức tạp, hình thành nên hệ thống nghĩa lý và mô thức thực hành đa dạng. Thế nhưng, hình thái chủ lưu và tư tưởng chủ đạo bao trùm hiển nhiên chính là "Phật giáo Nhân gian" (人間佛教). Đây là hình thái Phật giáo mang tính hiện đại, được định hình từ phong trào "Cách mạng Phật giáo" (佛教革命) nhằm khôi phục và làm nổi bật tính nhân văn cùng giá trị thực tiễn xã hội vốn từng bị xem nhẹ, che lấp hoặc hiểu sai; đồng thời hiển lộ trí tuệ sinh mệnh và phương thức tu hành của đạo Phật ngay trong lòng đời sống thế tục.

Về cốt lõi, **Phật giáo nhân gian** nhấn mạnh việc hoằng pháp phải lấy nhân loại làm nền tảng, coi trọng việc cải thiện đời sống hiện thực và xây dựng xã hội; dung hòa tốt mối quan hệ giữa nhập thế và xuất thế, giữa làm người và thành Phật, giữa đời sống thế tục và đời sống tôn giáo; xử lý hài hòa mối tương quan giữa Phật giáo với quốc gia, xã hội, chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ và văn hóa. Lấy tôn chỉ là nương vào việc hoàn thiện nhân cách để hướng tới thành Phật, dựa vào việc nhập thế để đạt tới xuất thế, đem tinh thần xuất thế ứng dụng vào đời sống nhập thế, Phật giáo Nhân gian hướng đến lý tưởng xây dựng Tịnh độ nhân gian, "Trang nghiêm quốc độ, lợi lạc hữu tình" (莊嚴國土□利樂有情). Từ đó, công cuộc hoằng hóa phát huy tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy văn minh nhân loại, nâng cao cảnh giới tinh thần, chuẩn mực đạo đức của con người, thúc đẩy xã hội tiến bộ và hòa bình thế giới.

"Phật giáo Nhân gian" (人間佛教) tiền thân là tư tưởng "Phật giáo Nhân sinh" (人生佛教), do Đại sư Thái Hư - nhà lãnh đạo phong trào phục hưng Phật giáo cận đại - khởi xướng vào đầu thời kỳ Trung Hoa Dân quốc.

Học thuyết này ra đời nhằm chấn hưng các lệch lạc của Phật giáo giai đoạn Minh - Thanh, thời kỳ tôn giáo bị suy giảm tính độc lập dưới chế độ chuyên chế và chịu ảnh hưởng từ các hủ tục mê tín.

**Đại sư Thái Hư** định hướng đưa Phật giáo nhập thế, gắn liền với đời sống thực tiễn để hoàn thiện nhân sinh, đồng thời thúc đẩy xã hội tiến bộ.

Dù các cải cách về thể chế của ngài chưa đạt kết quả đột phá, tư tưởng "Phật giáo Nhân sinh" và "Phật giáo Nhân gian" đã tạo tầm ảnh hưởng sâu rộng đến thế hệ tăng sĩ trẻ cùng đông đảo cư sĩ phật tử tại gia. Đây chính là nền tảng hình thành nên phong trào Phật giáo Nhân sinh mạnh mẽ và đạt nhiều thành tựu lớn sau này.



Hình mang tính minh họa. Ảnh: Internet

Lịch sử Phật giáo Nhân gian thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc ghi nhận đóng góp mang tính bước ngoặt của nhiều bậc cao tăng, trong đó Đại sư Thái Hư và **Đại sư Tinh Vân** là hai vị cao tăng Phật giáo có tầm ảnh hưởng lớn. Không chỉ là những nhà tư tưởng vĩ đại, hai ngài còn là những nhà hoạt động xã hội xuất sắc với năng lực thực tiễn cao.

Điểm chung của hai vị đại sư là nền tảng học thức uyên bác, tầm nhìn thời đại và tư duy nhạy bén. Cả hai không chỉ tinh thông giáo lý, lịch sử Phật học mà còn am hiểu sâu sắc quy luật vận động của xã hội cận đại.

Thông qua việc nghiên cứu toàn diện các học thuyết thế gian (ngoại học) và giáo lý của nhiều tôn giáo khác nhau, hai ngài đã thiết lập tư duy *"phật pháp bất ly thế gian pháp"* (佛法不離世間法). Phương pháp này giúp chuyển hóa **triết lý đạo Phật** vào đời sống thực tiễn, đồng thời dùng thực tế xã hội để minh chứng và làm sáng tỏ giáo nghĩa Phật đà.

Nền tảng nhân cách, năng lực tổ chức và hành động thực tiễn là những yếu tố giúp hai vị đại sư xây dựng Hoằng pháp quy mô lớn, tiến trình truyền bá giáo lý đạo Phật mang tính hệ thống, ứng dụng các phương thức hiện đại nhằm tiếp cận và tác động đến số đông trong xã hội. Vượt ra khỏi phạm vi của mô hình tự viện truyền thống hay các nhóm cư sĩ nhỏ lẻ, hoạt động này sở hữu tính chất cộng đồng trên quy mô quốc gia và toàn cầu, hướng tới mục tiêu hiện thực hóa giáo lý vào mọi mặt của đời sống thực tiễn. Đóng góp của các ngài không chỉ giới hạn trong việc phát triển đạo Phật, mà còn góp phần định hình đạo đức xã hội, cải biến lòng người và đồng hành cùng tiến trình xây dựng đất nước Trung Hoa hiện đại.

Bài viết này thực hiện nghiên cứu so sánh hệ thống tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư và Đại sư Tinh Vân. Mục tiêu nhằm chỉ ra bản chất cốt lõi, những điểm tương đồng mang tính quy luật, từ đó định hình nền tảng lý luận và động lực tinh thần cho sự phát triển bền vững của Phật giáo Nhân gian trong thời đại mới.

## I. Tư tưởng Phật giáo Nhân văn của Thái Hư Đại sư

Hệ tư tưởng Phật giáo Nhân gian mang tính hiện đại được khởi xướng bởi Đại sư Thái Hư (1890-1947), tiếp tục được Đại sư Ấn Thuận (1906-2005) nghiên cứu chuyên sâu, và được Đại sư Tinh Vân (1927-2023) cùng các bậc cao tăng nỗ lực thực hành, xiển dương. Tư tưởng này bắt nguồn từ "Phong trào Phục hưng Phật giáo" (佛教復興運動) thời cận đại - một cuộc vận động tự cường, đổi mới mang tính cách mạng nội tại của chính Phật giáo Trung Hoa Dân Quốc.



Thái Hư Đại sư. Ảnh: Internet

Cuộc cách mạng chính trị - xã hội giai đoạn Trung Hoa Dân Quốc là một trong những biến động khốc liệt và phức tạp nhất thời cận đại. Tiến trình lịch sử này một mặt cuốn Trung Hoa vào dòng chảy toàn cầu hóa, mặt khác tạo ra những hệ quả sâu sắc buộc quốc gia này phải xây dựng các lý luận mang "đặc sắc Trung Hoa" (中國特色) để định hình con đường phát triển riêng. Phong trào phục hưng Phật giáo chính là sự phản ánh sống động của làn sóng cách mạng thời đại đó trong lĩnh vực tôn giáo.

Biến động chính trị này không chỉ định hình lại cấu trúc tư tưởng, văn hóa xã hội Trung Hoa mà còn tác động trực tiếp đến vận mệnh của mọi tầng lớp nhân dân. Làn sóng đại bùng nổ đó buộc khối tăng, ni - những người vốn chọn lối sống xuất thế, tách biệt - phải đối diện với bài toán sinh tồn trong thời cuộc mới. Cuộc cách mạng mang đến xung lực phát triển mang tính bước ngoặt, vừa cải cách nội tại Giáo hội Phật giáo Trung Hoa, vừa tái thiết lập mối quan hệ tổng thể giữa Phật giáo và xã hội hiện đại.

Trong tiến trình này, một bộ phận tăng sĩ truyền thống đã trực tiếp tham gia và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các trào lưu cách mạng. Nhận thức rõ xu thế hiện đại hóa toàn cầu, họ dịch chuyển tư duy và kỳ vọng cải cách tư tưởng giáo hội bằng các phương thức đổi mới quyết liệt.

Quá trình này dần định hình nên một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, từng bước ứng dụng vào thực tiễn, tạo nền tảng vĩ mô cho sự ra đời của tư tưởng “Phật giáo Nhân gian”.

Là nhân chứng lịch sử của cuộc cách mạng Trung Hoa Dân Quốc, Đại sư Thái Hư (1889-1947) đã đề xướng tư tưởng “Tam Phật chủ nghĩa” (三佛主義) vào đầu thế kỷ XX. Đây được coi là hệ thống lý luận cốt lõi nhằm cải cách toàn diện và hiện đại hóa nền Phật giáo truyền thống với ba bệ phóng chiến lược:

*** Cải cách Giáo lý (教理革命)**

Bản chất cuộc cải cách: Sự chuyển dịch trọng tâm nhập thế.

Cốt lõi tư tưởng này đánh dấu bước chuyển dịch mang tính bước ngoặt của đạo Phật: Tách lý luận ra khỏi xu hướng “tâm linh huyền bí” và các nghi lễ “Dịch vụ phục vụ ma chay” truyền thống, hướng thẳng vào mục tiêu phụng sự đời sống thực tại của con người.

Phương châm hành động: Bài trừ hủ tục, kiến tạo tịnh độ nhân gian.

Chiến lược hành động cốt lõi tập trung vào việc thanh lọc toàn diện: Bài trừ triệt để các hủ tục mê tín dị đoan, đồng thời dịch chuyển trục giảng dạy sang hệ giáo lý nhập thế tích cực. Mục tiêu tối thượng là lấy việc cải thiện chất lượng nhân sinh và kiến tạo không gian tịnh độ ngay tại đời sống thực tại làm nền tảng định hình diện mạo mới cho đạo Phật.

*** Cải cách Giáo chế (教制革命)**

Cải tổ tăng đoàn: Khâu đột phá chấn hưng từ bên trong.

Bản chất: Thay đổi toàn diện mô hình tổ chức hành chính của tăng đoàn, xóa bỏ triệt để thực trạng bộ máy vận hành rời rạc và có dấu hiệu già cỗi.

Hành động: Thiết lập hệ thống quản lý tăng giới theo tiêu chuẩn hiện đại và quy định nghiêm ngặt về tư cách xuất gia. Đồng thời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tăng ni bằng giải pháp then chốt là thành lập hệ thống học viện chính quy, tiêu biểu như các Phật học viện Mân Nam, nay thuộc thành phố Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến, và Phật học viện Vũ Xương, nay thuộc thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

*** Cải cách Giáo sản (教產革命)**

Cách mạng tài chính Giáo hội: Minh bạch nguồn lực vì công ích.

Bản chất: Thay đổi căn bản phương thức quản lý tài sản và mô hình vận hành kinh tế tại các cơ sở tự viện Phật giáo.

Hành động: Xóa bỏ triệt để chế độ tự viện "sở hữu gia tộc" (chùa tư nhân), chuyển dịch toàn bộ sang hình thức sở hữu chung của giáo hội (công sản). Nguồn lực tài chính này được tái cấu trúc để tập trung phụng sự các chương trình công ích xã hội, từ thiện và giáo dục phát triển, chấm dứt tình trạng tích lũy cục bộ cho cá nhân hoặc môn phái.

Dù vấp phải rào cản quyết liệt từ các thế lực bảo thủ đương thời, cuộc đại cách mạng Phật giáo này đã thành công trong việc đảo ngược đà suy vi của đạo Phật. Tiến trình cải cách không chỉ vực dậy sức sống của giáo hội Phật giáo Trung Hoa mà còn thiết lập sợi dây kết nối bền chặt giữa đạo Phật và cấu trúc xã hội hiện đại.

Tiến trình 16 năm định hình tư tưởng "Cách mạng Phật giáo". Được khởi xướng từ những năm đầu thời kỳ Trung Hoa Dân quốc (1912), tư tưởng "Cách mạng Phật giáo" liên tục được Đại sư Thái Hư giảng giải, hoàn thiện cho đến năm 1928. Trong hành trình kéo dài 16 năm đó, ngài đã hệ thống hóa toàn diện ***"Tôn chỉ của cuộc cách mạng Phật giáo Trung Hoa Dân Quốc"*** trên ba phương diện cốt lõi:

## 1. Những biểu hiện cần bài trừ

**Giáp**, bài trừ thần quyền chính trị và hủ tục: Kiên quyết xóa bỏ các hình thức mê tín dị đoan vốn bị giới cầm quyền chuyên chế thời cổ đại lợi dụng. Bản chất của việc "mượn danh thần thánh" này là công cụ thiết lập nền giáo hóa áp đặt và thực hiện chính sách ngu dân.

**Ất**, xóa bỏ đặc quyền tông tộc trong hệ thống tự viện Phật giáo: Bài trừ triệt để các hình thức "thế phái cạo tóc" (thế độ) và "pháp phái truyền thừa" độc quyền vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ chế độ gia tộc cổ đại. Đây là những tập tục biến tài sản chung của tăng đoàn (tăng sản) thành một dạng tài sản thừa kế riêng biệt, được chuyển giao nội bộ theo mô hình phụ hệ gia đình giữa thầy và trò.

## 2. Những phương diện cần cải cách

**Giáp**, chuyển dịch tư duy từ ẩn dật sang nhập thế phụng sự: Thay đổi căn bản thái độ lánh đời của bộ phận tăng sĩ vốn hình thành dưới áp lực chuyên chế của Nho giáo cổ đại. Định hướng mới yêu cầu giới tăng lữ vừa nỗ lực tinh tiến tu học Tam vô lậu học (Giới - Định - Tuệ) để đoạn trừ phiền não, đạt đến giác ngộ; vừa chủ động dấn thân nhập thế, mở rộng tầm giáo hóa nhằm mang lại lợi ích thực tiễn và cứu giúp nhân sinh.

**Ất**, chuyển dịch mục tiêu từ phục vụ quỷ thần sang phụng sự nhân sinh: Thay đổi căn bản thái độ của tăng chúng cổ đại - những người vốn chỉ tập trung vào việc thoát ly sinh tử và thực hiện nghi lễ hầu hạ quỷ thần theo nhu cầu của giới cai trị cùng tầng lớp bình dân. Định hướng mới chuyển trọng tâm sang thái độ phục vụ quần chúng, đồng thời kết hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến tư sinh và bảo đảm sinh kế thực tế.

## 3. Các phương diện cần xây dựng

**Giáp**, Trong bối cảnh cấu trúc xã hội dịch chuyển, nếu Chủ nghĩa Tam Dân - triết lý chính trị cốt lõi của Tôn Trung Sơn gồm Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do và Dân sinh hạnh phúc - kế thừa thành công tinh hoa văn hóa truyền thống kết hợp cùng tư duy khoa học hiện đại để định hình nên một nền văn hóa mới, hệ giá trị này sẽ thay thế vị thế độc tôn trước đây của Nho giáo.

Để đồng hành cùng tiến trình lịch sử đó, Phật giáo cần chủ động gắn kết giáo lý Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là Bồ Tát hạnh thuộc Thập Tín vị, vào thực tiễn xã hội. Đây chính là nền tảng cốt lõi để xây dựng mô hình Phật giáo Nhân sinh: Một lộ trình tu học nhập thế, đi từ việc hoàn thiện nhân cách con người, tiến lên thực hành hạnh nguyện Bồ Tát và hướng tới quả vị Phật tối thượng.

**Ất**, Vận dụng tinh thần cốt lõi của Phật giáo Đại thừa để chấn hưng toàn diện hệ thống tự viện và tăng chúng hiện hành. Mục tiêu nhằm thiết lập một mô hình đoàn thể tăng già thanh tịnh, hòa hợp, có năng lực thích ứng cao với môi trường thể chế và bối cảnh xã hội của nền Trung Hoa Dân Quốc hiện thời.

**Bính**, Chiến lược đặt ra là phổ hóa sâu rộng tinh thần Phật giáo Nhân sinh của hệ tư tưởng Phật giáo Đại thừa nhằm thu hút tầng lớp tín đồ mới, đồng thời thực hiện tiến trình khai hóa giáo dục đối với cộng đồng Phật tử truyền thống. Trên cơ sở đó, tổ chức và đoàn kết chặt chẽ các nguồn lực xã hội này để xây dựng một mô hình khối tín chúng chính quy, có năng lực tương thích và đồng hành cùng sự phát triển của xã hội Trung Hoa Dân Quốc hiện thời.

**Đinh**, Chiến lược truyền bá Phật giáo Nhân sinh của Đại sư Thái Hư đặt trọng tâm vào việc đại chúng hóa hệ tư tưởng Đại thừa tại Trung Hoa Dân Quốc. Mục tiêu cốt lõi là chuyển hóa Thập Thiện Nghiệp Đạo (mười hành vi thiện nghiệp) từ các quy tắc tôn giáo thuần túy trở thành nền tảng đạo đức căn bản trong đời sống xã hội. Tiến trình này hướng tới việc tích hợp mười hành vi lành mạnh này vào phong tục, lối sống của mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời lan tỏa các giá trị văn hóa nhân văn này đến quy mô toàn cầu.

Dưới lăng kính của Đại sư Thái Hư, tiến trình vận động xã hội và chấn hưng tôn giáo tồn tại một mối tương quan mang tính quy luật. Nếu cuộc cách mạng quốc dân dịch chuyển từ phạm vi Trung Hoa đến quy mô toàn cầu dựa trên nền tảng Chủ nghĩa Tam Dân (Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh), thì cuộc cách mạng Phật giáo đi từ "Phật hóa quốc dân" đến "Phật hóa nhân gian" cũng vận hành bằng bệ phóng "Tam Phật chủ nghĩa".

Hệ thống lý luận này thiết lập sơ đồ đối chiếu trực diện giữa cấu trúc chính trị và cải cách tôn giáo:

* Cách mạng Giáo lý → Tương ứng với Chủ nghĩa Dân quyền.

* Cách mạng Giáo chế → Tương ứng với Chủ nghĩa Dân tộc.

* Cách mạng Giáo sản → Tương ứng với Chủ nghĩa Dân sinh.

Về bản chất, bộ ba lý luận này vừa định hình tư duy "Chủ nghĩa Phật giáo cứu thế" (佛教救世主義), vừa đại diện cho tinh thần "Chủ nghĩa Phật giáo cách mạng" (佛教革命主義). Đây chính là sự cụ thể hóa mang tính thời đại của Chủ nghĩa Tam Dân trong không gian văn hóa Phật giáo.

Hệ thống tư tưởng "Cách mạng Giáo lý" (教理革命) của Đại sư Thái Hư lấy triết lý Phật giáo Nhân gian làm hạt nhân cốt lõi. Học thuyết này được định hình một cách hệ thống và tuyên bố rộng rãi qua bài diễn thuyết mang tính lịch sử: ***"Làm thế nào để xây dựng Phật giáo Nhân gian"*** (怎樣來建設人間佛教), trình bày ngày 01/10/1933 tại Hán Khẩu. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt mang tính chiến lược, chuyển định hướng của phong trào cách mạng Phật giáo từ lý luận thuần túy sang tiến trình nhập thế và thực tiễn hóa sâu rộng.

Hệ tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư khẳng định đạo Phật không phải là tôn giáo hướng đến thần quyền, ma quỷ hay biệt lập với xu hướng bắt buộc xuất gia. Trái với các khuynh hướng thần bí hóa, học thuyết này định vị trọng tâm vào việc vận dụng triết lý từ bi và trí tuệ để cải tạo xã hội, nâng cao văn minh và thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại.

Trên nền tảng đó, Phật giáo Nhân gian định hình là một tôn giáo đồng hành cùng xã hội, vận dụng triết lý từ bi và trí tuệ để thúc đẩy tiến trình văn minh của nhân loại. Dù Đại sư Thái Hư sử dụng thuật ngữ "Phật giáo Nhân sinh" với tần suất cao nhất, giữa hai khái niệm này không tồn tại sự khác biệt về mặt bản chất, mà là hai phương diện bổ trợ cho nhau trong cùng một hệ thống lý luận:

* Phật giáo Nhân sinh: Tập trung giải quyết các vấn đề cốt lõi của đời sống con người với lộ trình "từ con người tiến hóa lên thành Phật" (由人進化到佛), biểu hiện trực quan qua việc xây dựng hệ thống học thuật "Nhân sinh Phật học" (人生佛學).

* Phật giáo Nhân gian: Nhấn mạnh chức năng xã hội của đạo Phật, hướng tới mục tiêu cảm hóa quần chúng, thanh lọc đạo đức xã hội, cải biến lòng người và kiến tạo không gian Tịnh độ ngay tại nhân gian.

Sự giao thoa giữa hai phương diện này chính là nội hàm chủ yếu cấu thành nên tư tưởng Phật giáo Nhân gian tổng thể của Đại sư Thái Hư.

Dưới góc độ lý luận của "Nhân sinh Phật học", mục tiêu cốt lõi được xác định là cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống thực tại và phát triển cảnh giới cá nhân hướng tới sự tự do tối hậu của quả vị Phật. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Đại sư Thái Hư đặt trọng tâm vào việc vận dụng hệ thống lý luận "Phật học nhân sinh" (人生的佛學) làm nền tảng động lực cho phong trào cải cách Phật học mới của mình.

Trên cơ sở nhận thức về mối quan hệ cộng sinh của nhân loại dưới sự thúc đẩy của hệ thống giao thông và giao thương hiện đại, kết hợp cùng nền tảng triết học nhân sinh Đông - Tây, Đại sư Thái Hư đã thiết lập một lộ trình tu học tiệm tiến, mang tính hệ thống cho Phật giáo Nhân sinh:

* Giai đoạn nền tảng (Phật học Thập Thiện hạnh, 十善行佛學): Vận dụng mười hành vi thiện lành cốt lõi của Phật giáo Đại thừa để hoàn thiện các giá trị đạo đức căn bản của một kiếp nhân sinh. Mục tiêu là chuyển hóa lối sống cá nhân, từ đó kiến tạo một đời sống xã hội Phật giáo Đại thừa có tổ chức, kỷ cương và kỷ luật.

* Giai đoạn phát triển (Lộ trình tu chứng Bồ Tát): Tiếp tục nâng cao cảnh giới thông qua việc thực hành các giai vị Phật học từ thấp đến cao gồm: Thập Trú (十住), mười giai vị (cấp bậc) tu hành của hàng Bồ Tát Đại thừa, Thập Hạnh (十行), mười hạnh nguyện tu hành lợi tha (mang lại lợi ích cho người khác) của bậc Bồ Tát, Thập Hồi Hướng (十回向), 10 giai vị tu học từ bậc thứ 31 đến bậc thứ 40 trong hệ thống 52 giai vị tu hành của Bồ Tát theo giáo lý Đại thừa, Thập Địa (十地), mười quả vị tu chứng cao nhất của các vị Bồ Tát trên lộ trình hướng tới giác ngộ hoàn toàn thành Phật. Tiến trình này nhằm khai phóng toàn diện những đức năng tiềm ẩn trong nhân tính.

Trải qua các tầng bậc tiến hóa mang tính hệ thống này, hành giả sẽ từng bước hoàn thiện cả phúc đức lẫn trí tuệ, hướng tới đạt quả vị Vô thượng Chính giác viên mãn.

Trong tác phẩm ***"Mục đích của Phật giáo Nhân sinh"*** (人生佛教之目的), Đại sư Thái Hư phân chia mục đích và hiệu quả hành trì của toàn bộ Phật pháp thành bốn tầng thứ tiệm tiến:

* Nhân gian cải thiện (即人間改善): Tập trung cải thiện và tối ưu hóa chất lượng đời sống hiện tại của con người.

* Hậu thế thắng tiến (後世勝進): Định hướng cho sự phát triển, thăng tiến của sinh mệnh trong các đời sống tương lai.

* Sinh tử giải thoát (生死解脫): Chấm dứt chu kỳ luân hồi, đạt đến trạng thái tự tại và giải thoát tối hậu.

* Pháp giới viên minh (法界圓明): Giác ngộ toàn diện, chứng đắc quả vị Phật viên mãn cả phúc đức lẫn trí tuệ.

Hệ thống bốn tầng bậc này bao hàm trọn vẹn lộ trình của đạo Phật, thiết lập sợi dây liên kết chặt chẽ từ những hành động nhập thế thiết thực cho đến mục tiêu chứng ngộ tối cao.

Xét về đích đến tối hậu, Đại sư Thái Hư khẳng định quả vị "Pháp giới viên minh" (法界圓明) mới là cứu cánh cuối cùng và là mục đích tối thượng của đạo Phật; các tầng bậc tu học trước đó bản chất là những phương tiện tiệm tiến.

Trên lập trường này, Thái Hư Đại sư thẳng thắn phê phán khuynh hướng của Phật giáo cựu trào khi quá thiên lệch vào tâm lý chán ghét hiện thực, chỉ tập trung cầu sinh thế giới bên kia hoặc hướng tới sự tịch diệt thụ động. Tư duy lánh đời này đã đẩy đạo Phật rơi vào tình trạng xa rời thực tế, làm triệt tiêu công năng chuyển hóa xã hội độc đáo của Phật pháp nhập thế.

Phật giáo Nhân sinh lấy đời sống thực tại làm nền tảng cho mọi tiến trình cải thiện và tịnh hóa. Triết lý này thiết lập một trục tu học tiệm tiến, định vị rõ mục tiêu giải thoát tối hậu ngay trong lòng xã hội hiện đại:

* Nền tảng Nhân thừa: Tập trung hoàn thiện nhân cách và đạo đức căn bản của đạo làm người. Đây là bậc học cốt lõi nhất trong hệ thống Ngũ thừa, giúp hành giả đạt an lạc trong đời sống thực tại và bảo đảm không bị sa đọa ở các kiếp sau.

* Thấu hiểu chân lý và phát tâm Đại Bồ-đề: Nâng cao năng lực nhận thức sâu sắc về quy luật khách quan của vạn vật; từ đó tự nguyện khởi tâm giác ngộ, hướng tới quả vị Phật tối thượng vì lợi ích của muôn loài.

* Thực hành hạnh nguyện Bồ Tát: Phát triển toàn diện tâm từ bi và trí tuệ để thực hiện sứ mệnh “tự độ và độ tha” (giúp mình, giúp người vượt qua khổ đau).

Về bản chất, hệ thống lý luận này đã ngầm thâu nhiếp toàn bộ công đức của Thiên thừa (phúc báu cõi trời) và phương tiện giải thoát của Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác) vào dòng chảy Bồ Tát đạo. Lộ trình hướng tới một hành quả bất cộng (đặc thù): Tích hợp đồng thời giữa tự giải thoát và cứu độ chúng sinh, tạo điều kiện để hành giả tu thành Phật ngay từ căn tính của một con người thực tại.



Thái Hư Đại sư. Ảnh: Internet

Hệ thống lý luận của Phật giáo Nhân sinh được vận hành nhằm đối trị trực diện với xu hướng thiên lệch kéo dài lịch sử: Quá tập trung vào việc thăng tiến hậu thế hoặc tìm kiếm sự giải thoát sinh tử cá nhân. Học thuyết này đặc biệt coi trọng bước đi chiến lược: Lấy việc cải thiện nhân sinh làm bàn đạp để hướng thẳng tới quả vị "Pháp giới viên minh" - trạng thái giác ngộ tối hậu và viên mãn

nhất.

Về bản chất, dù diện mạo bên ngoài trọng tâm vào đời sống con người, nhưng giá trị cốt lõi của Phật giáo Nhân sinh là khả năng nương vào chính sự cải thiện thực tại này để phát Bồ-đề tâm, tiến thẳng tới Phật quả Đại thừa. Sứ mệnh này được triển khai song song trên hai phương diện:

* Về mặt phản biện (Phá trừ): Đối trị và xóa bỏ triệt để các trào lưu hủ tục, những biểu hiện sai lầm tích tụ qua nhiều thế kỷ của Phật pháp cựu trào.

* Về mặt kiến tạo (Xây dựng): Dựa trên nền tảng cải thiện nhân sinh để khơi dậy tâm Bồ-đề và thực hành Bồ Tát đạo trong lòng xã hội.

Trong tiến trình này, hai nấc thang "hậu thế thắng tiến" (後世勝進) và "sinh tử giải thoát" (生死解脫) đương nhiên được thu nhiếp, viên dung và hòa nhập vào bên trong một cách tự nhiên. Do đó, Phật giáo Nhân sinh thực chất là một hệ thống mang tính tổng hợp toàn diện Phật pháp, được tái cấu trúc để thích ứng hoàn hảo với căn cơ và thời cơ của thời đại mới.

Xét về mặt xây dựng Phật giáo Nhân gian, nội dung chủ yếu bao gồm ba phương diện sau:

Phương diện then chốt đầu tiên trong cuộc đại cải cách của Đại sư Thái Hư là định hình lại hệ tư tưởng Phật giáo Nhân gian. Chiến lược này được triển khai đồng bộ qua ba trục hành động cốt lõi nhằm giải độc nhận thức xã hội và tích hợp đạo Phật vào dòng chảy văn minh hiện đại:

* Minh triết giáo lý và bài trừ tà kiến: Tuyên dương Diệu pháp Như Lai, đưa giáo nghĩa nguyên bản của Đức Thế Tôn tiếp cận sâu rộng các tầng lớp nhân dân. Tiến trình này giúp xóa bỏ định kiến sai lầm, khẳng định rõ Phật và Bồ Tát không phải là các thực thể quỷ thần mê tín.

* Chánh tín nhập thế và chuẩn mực đạo đức: Truyền bá đạo đức làm người và luận lý báo ơn của Phật giáo. Học thuyết khẳng định việc tham gia các ngành nghề xã hội chính đáng hoàn toàn tương thích với việc học Phật, đồng thời định hướng cho các nhà hảo tâm, tổ chức thiện nguyện hướng tới tinh thần chánh tín để tối ưu hóa giá trị phụng sự cộng đồng.

* Đột phá tư duy qua hệ quy chiếu khoa học: Thiết lập các tương quan đối chiếu sắc bén giữa các phạm trù triết học và khoa học đương đại:

- Đặt Lịch sử quan duyên sinh cạnh Lịch sử quan kinh tế duy vật.

Đối chiếu Phép biện chứng hiện đại với quy luật Chư hành vô thường.

- Kết nối các Phát hiện mới của khoa học với Hệ thống minh triết Phật học.

Thông qua mô hình đối chiếu luận đề này, Đại sư Thái Hư đưa ra lời tuyên bố đanh thép: ***"Phật pháp trải qua muôn thuở vẫn luôn đổi mới, đây là điều mà khoa học của thời đại mới cũng không thể nào sánh kịp!"***

Phương diện hành động then chốt thứ hai trong tiến trình hiện thực hóa Phật giáo Nhân gian là chủ động tham gia công cuộc cứu tế quốc nạn (國難救濟). Đối diện với các chiến dịch khẩn cấp đòi hỏi huy động toàn diện nguồn lực quốc gia để giải quyết thảm họa đe dọa sự sống còn của toàn dân tộc, đạo Phật kiên quyết từ bỏ thái độ tiêu cực, lánh đời.

Vào những thời khắc quốc gia và dân tộc lâm nguy - khi vận mệnh đất nước bị đe dọa trực tiếp bởi họa ngoại xâm, thiên tai, dịch bệnh hoặc khủng hoảng nội tại nghiêm trọng - giới tăng lữ và tín chúng chọn giải pháp dấn thân quyết liệt. Thay vì khoanh tay đứng nhìn, đạo Phật chủ trương xả thân lao vào gian khó, tích cực đồng hành cùng sự nghiệp "cứu vong đồ tồn" (chữ Hán: 救亡图存), giải cứu quốc gia khỏi nguy cơ diệt vong và tìm con đường để sống sót, tự cường bằng những hành động thiết thực, vững chãi và mang tính tổ chức cao.

Để cụ thể hóa chiến lược cứu tế quốc nạn, Đại sư Thái Hư đã thiết lập hệ thống nguyên lý hành động gồm ba nội dung cốt lõi, gắn liền trách nhiệm của mỗi công dân với vận mệnh sống còn của đất nước:

* Chuyển hóa nghịch cảnh thành hành động thực tiễn: *"Trong nạn nước chớ nên chỉ buông xuôi theo đau thương phẫn nộ"*. Học thuyết yêu cầu mỗi cá nhân phải kiềm chế cảm xúc tiêu cực, nỗ lực tối đa, giữ vững sự kiên nhẫn và tinh thần chịu thương chịu khó để duy trì hiệu suất làm việc trong hoàn cảnh biến động.

* Tự soi rọi đạo đức để kiến tạo phúc lợi chung: *"Muốn tránh tai nạn phải xét lỗi tu đức"*. Tư tưởng này định hướng mỗi người tự suy xét sai lầm cá nhân, tiến tu công đức và tích cực thực hiện các hành vi thiện nguyện. Đây được xem là giải pháp căn bản để kiến tạo hạnh phúc bền vững cho bản thân và quốc gia.

* Tròn bổn phận để ổn định cấu trúc xã hội: *"An phận tận chức là nền tảng cứu quốc"*. Khẳng định việc mỗi công dân làm tròn chức trách và yên vị với bổn phận là điều kiện tiên quyết để giữ gìn trật tự xã hội, củng cố bộ máy tổ chức quốc gia, từ đó tạo nền móng vững chắc cho các chiến dịch cứu quốc quy mô lớn.

Kế thừa các nguyên lý hành động cá nhân, Đại sư Thái Hư mở rộng học thuyết cứu tế quốc nạn sang năm giải pháp chiến lược mang tính vĩ mô, bao quát các lĩnh vực từ an ninh, quốc phòng đến kinh tế và quản trị hành chính:

* Lấy dân làm gốc thông qua tinh thần đại bi: *“Dẹp loạn trước hết phải được lòng dân quy thuận”*. Định hướng này yêu cầu người lãnh đạo phải phát tâm nguyện đại từ đại bi của chư Phật và Bồ Tát, sẵn sàng hy sinh, chịu thương chịu khó dấn thân cứu độ chúng sinh nhằm xây dựng khối đại đoàn kết và nhận được sự đồng lòng quy thuận của nhân dân.

* Chiến lược quốc phòng tự lực, tự cường: “*Có vũ khí giết người không bằng có công cụ phòng vệ giữ dân”*. Tư tưởng này đặt ưu tiên vào việc xây dựng nền quốc phòng vững chắc, coi trọng năng lực tự cứu tự lập, hướng tới mục tiêu chiến thắng thông qua chiến lược phòng thủ chủ động để ngăn chặn xung đột.

* Quy hoạch kinh tế và sản xuất thực nghiệp: *“Giáo dục sản xuất trước hết phải có kế hoạch sản xuất”*. Học thuyết nhấn mạnh tầm quan trọng của tư duy quy hoạch, gắn liền giáo dục nghề nghiệp với các kế hoạch sản xuất cụ thể, khoa học nhằm tối ưu hóa nguồn lực quốc gia.

* Phục hưng nông thôn bằng giá trị bền vững: *“Phục hưng nông thôn phải chú trọng tiết kiệm, giản dị và cần cù”*. Đặt nền tảng cho sự phát triển của khu vực nông nghiệp dựa trên các giá trị cốt lõi là cần kiệm và tối giản, tạo bước chuyển dịch kinh tế từ gốc rễ xã hội.

* Minh bạch chính trị và thiết lập công quyền: *“Điều hành chính sự phải lập đức thành thật vì lợi ích chung”*. Khẳng định đạo đức công vụ và sự thành thật của giới cầm quyền là điều kiện tiên quyết để vận hành bộ máy hành chính, hướng tới mục tiêu duy nhất là phụng sự lợi ích của nhân dân.

Phương diện chiến lược thứ ba trong cuộc cải cách của Đại sư Thái Hư là định hình Phật giáo Nhân gian dựa trên sự chuyển biến của xu thế thế giới (thế vận). Nhận định về cục diện toàn cầu,Đại sư chỉ ra rằng nền văn minh cận đại vốn dựa trên chủ nghĩa vị kỷ và tư duy phóng túng tự ngã để thống trị vật chất. Bản chất của mô hình phát triển này là một “ngõ cụt” lịch sử, buộc Trung Quốc phải tìm kiếm một lộ trình thay thế mang tính bền vững hơn.

Lối thoát chiến lược này được xây dựng trên hai trục lý luận và hành động vĩ mô:

* Nền tảng lý luận từ Duy Thức học: Trên thế giới quan duyên khởi, hệ thống lý luận này khẳng định mọi sự vật, hiện tượng không thể tồn tại độc lập mà đều hình thành từ sự tương tác của các điều kiện khách quan. Bằng cách vận hành Duy Thức học như một hệ thống khoa học nội tâm và tâm lý học toàn diện, mô hình này hướng đến mục tiêu định hình lại tư duy thời đại, từng bước thay thế lối sống trục vật chất và thực dụng của nền văn minh cũ.

* Thực hành Bồ Tát hạnh nhập thế: Đẩy mạnh các công hạnh của Bồ Tát thừa ngay trong lòng xã hội hiện thực. Lúc này, hành giả Đại thừa không còn ẩn dật, mà đóng vai trò như những nhà hoạt động đạo đức tiên phong cải tạo cấu trúc xã hội.

Thông qua việc hiện thực hóa công cuộc cứu thế cứu dân và kiến tạo nền đạo đức mới cho nhân loại, đạo Phật không chỉ tìm thấy lối thoát cho quốc gia, mà còn xác lập vị thế dẫn dắt xu thế toàn cầu, chính thức đưa Phật giáo hòa nhập hoàn toàn vào đời sống nhân gian.

Bản chất của đạo Phật là ***"lấy Bi Trí song vận làm trung tâm để nâng cao chủ thể sinh mệnh"*** (以悲智雙運為中心提升主體生命). Do đó, đích đến cuối cùng của Phật giáo Nhân gian vẫn nhất quán với mục tiêu cốt lõi của Phật giáo truyền thống: đạt đến sự giải thoát cứu cánh, chấm dứt luân hồi và khổ đau. Tuy nhiên, mục tiêu thực tiễn của hệ tư tưởng này là hiện thực hóa Tịnh độ ngay tại nhân gian, chuyển hóa tâm thức và lối sống hiện tại để biến thế giới Ta Bà biến động thành một cõi an lạc, thanh tịnh.

Trong tiểu luận ***"Luận về xây dựng Tịnh độ nhân gian"*** (建設人間淨土論), Đại sư Thái Hư đã làm sáng tỏ cấu trúc tư tưởng này bằng cách đưa ra hai phương pháp đối lập để giải thoát khỏi những thống khổ của thực tại:

* Phương pháp tiêu cực (Lánh đời): Rời bỏ thế gian hiện hữu để cầu sinh lên các cõi thiên quốc hoặc tịnh độ phương khác.

* Phương pháp tích cực (Kiến tạo): Chủ động cải tạo môi trường xã hội đương thời, tối ưu hóa các điều kiện thực tế để biến nhân gian thành một cõi Tịnh độ tại thế.

Tiên quyết để xây dựng Tịnh độ nhân gian là thực hiện một cuộc cách mạng về nhận thức, xóa bỏ định kiến và xác lập tư duy: Tịnh độ tại thế là sản phẩm do chính con người kiến tạo. Tiến trình thực thi cụ thể được Đại sư Thái Hư phân tách thành hai phương thức vận hành:

* Phương pháp thế tục (Ngoại lực xã hội): Tập trung vào các giải pháp cải cách cấu trúc xã hội mang tính thực tiễn bao gồm phát triển thực nghiệp (công thương nghiệp), phổ cập giáo dục và nâng cao đời sống nghệ thuật.

* Phương pháp Phật giáo (Nội lực căn bản): Giải pháp này vận dụng năng lực chuyển hóa tâm thức của Tam bảo và việc thực hành giáo pháp Thập thiện để tu chỉnh ba phương diện: hành vi, ngôn ngữ và tư duy (Thân - Khẩu - Ý). Hướng tới mục tiêu cải biến phong tục và giáo hóa quần chúng, phương pháp này tập trung hiện thực hóa tiến trình "Phật hóa" toàn diện, đưa các giá trị đạo đức tôn

giáo thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống thực tiễn.

Đặt lên bàn cân so sánh, Đại sư Thái Hư khẳng định phương pháp Phật giáo mang tính căn bản, triệt để và ưu việt hơn. Các biện pháp thế tục dẫu mang lại hiệu quả nhưng thành tựu vẫn có giới hạn cục bộ. Chỉ có Phật pháp mới đủ năng lực thông suốt, nhất thể hóa vũ trụ và nhân sinh, từ đó giải quyết tận gốc rễ các xung đột để hiện thực hóa một không gian Tịnh độ nhân gian đúng nghĩa.

## II. Tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Tinh Vân Đại Sư

Trong dòng chảy Phật giáo đương đại, Đại sư Tinh Vân được cộng đồng quốc tế ghi nhận là nhà tư tưởng và vị lãnh đạo có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Ngài được định vị là "người thực hành" và "hành giả hiện thực hóa" các giá trị cốt lõi của Phật giáo Nhân gian trong đời sống xã hội.



Đại sư Tinh Vân. Ảnh: Internet

Bên cạnh năng lực quản trị và điều hành tổ chức, Đại sư Tinh Vân đã thiết lập một hệ thống thực hành mang tính xã hội cho phong trào Phật giáo Nhân gian trên phạm vi toàn cầu. Sự nghiệp nhập thế của ngài được định hình bởi một tư duy hệ thống nhất quán, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận Phật học nguyên bản và thực tiễn thời đại.

Nhờ khả năng nhận diện sắc bén các đặc trưng của xã hội hiện đại, Đại sư Tinh Vân đã đề xuất nhiều giải pháp trực diện nhằm hóa giải những áp lực tâm lý và thực trạng khủng hoảng tinh thần trong lòng người. Chuỗi phương án hành động này không chỉ giải quyết các vấn đề an sinh thực tế, mà còn mở rộng biên độ tư tưởng lẫn chiều sâu lý luận của Phật giáo Nhân gian, giúp đạo Phật thích ứng và phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Hệ thống tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Tinh Vân được định hình bởi hai yếu tố cốt lõi: Nền tảng lý luận kế thừa từ Đại sư Thái Hư và phẩm cách trải nghiệm sinh mệnh của chính ngài.

Xét về phương diện kế thừa, dù không trực tiếp thuộc hàng môn hạ thân truyền, Đại sư Tinh Vân vẫn được định vị là người tiếp nối trung thành sự nghiệp Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư. Tinh thần kính ngưỡng nhân cách cùng sự đồng điệu sâu sắc về tư tưởng đổi mới này đã trở thành nền tảng lý luận và động lực tinh thần xuyên suốt, thúc đẩy các hoạt động hoằng pháp nhập thế, xu hướng đưa giáo lý đạo Phật đồng hành cùng đời sống xã hội, giúp con người giải quyết các vấn đề thực tế thay vì chỉ tu tập biệt lập chốn thiền môn của Đại sư Tinh Vân sau này.

Dưới sự thúc đẩy từ hệ thống lý luận của Đại sư Thái Hư, Đại sư Tinh Vân đã xác định rõ trục phát triển tất yếu của đạo Phật thời hiện đại. Nhận thức này trở thành cơ sở để ngài kiên định dấn thân vào tiến trình thực hành Phật giáo Nhân gian. Đây là nền tảng cốt lõi giúp phong trào đạt được những bước tiến mang tính bước ngoặt tại Đài Loan, đồng thời tạo ra làn sóng ảnh hưởng sâu rộng đến bản đồ Phật giáo tại Trung Hoa đại lục và trên phạm vi toàn cầu.

Nhà nghiên cứu Phật học, chuyên gia nghiên cứu Đạo giáo, Giáo sư Trần Binh (陳兵教授) từng đưa ra một vài nhận định so sánh về hai vị đại sư như sau:

*“Khi đặt lên bàn cân đối chiếu với Đại sư Ấn Thuận (1906–2005) - nhà học giả Phật giáo cận đại vốn xuất thân trực tiếp từ môn hạ của Đại sư Thái Hư - diện mạo tư tưởng của Đại sư Tinh Vân bộc lộ những đặc trưng khác biệt. Dù không tập trung vào mảng nghiên cứu học thuật nghiêm ngặt như Đại sư Ấn Thuận, Đại sư Tinh Vân lại thể hiện sự tương đồng lớn hơn với Đại sư Thái Hư trên các phương diện: tư tưởng chủ đạo, nguyện lực nhập thế và phong cách hành động của phong trào Phật giáo Nhân gian”.*

Xét trên cả hai phương diện hệ thống lý luận và thực tiễn hành động, Đại sư Thái Hư và Đại sư Tinh Vân thể hiện sự nhất mạch tương thừa sâu sắc qua bốn điểm tương đồng cốt lõi:

* Tầm nhìn toàn cầu hóa: Cả hai vị đại sư đều sở hữu nhãn quan quốc tế chiến lược với định hướng hoằng dương Phật giáo Nhân gian ra quy mô toàn cầu nhằm giải quyết các cuộc khủng hoảng của nhân loại.

* Tư duy phản biện và năng lực cải cách: Mang tinh thần dấn thân quyết liệt, sẵn sàng đối diện và vượt qua các lực cản xã hội để xóa bỏ hủ tục, chấn hưng hệ thống tự viện cựu trào.

* Kế thừa truyền thống để đổi mới nhập thế: Đứng vững trên các giá trị ưu tú của lịch sử Phật giáo, lấy việc nhận diện và điều trị các hạn chế mang tính hệ thống của mô hình truyền thống làm bàn đạp đề xuất tư tưởng Phật giáo Nhân gian.

* Hệ thống lý luận viên dung, thích ứng thời đại: Sở hữu tầm nhìn bao quát, thấu suốt xu thế vận động của thời đại, từ đó thiết lập tinh thần dung hợp toàn diện giữa các tông phái và thừa giáo.

Mối tương quan chặt chẽ từ cấu trúc tư tưởng đến kết quả sự nghiệp khẳng định Đại sư Tinh Vân chính là người tiếp nối và hiện thực hóa trọn vẹn tâm ấn lý luận về Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư.

Dù nhất mạch tương thừa, hai vị đại sư vẫn sở hữu những nét đặc trưng riêng biệt trong cấu trúc tư tưởng và phong cách cá nhân. Hệ thống lý luận của Đại sư Tinh Vân tuy xây dựng trên nền tảng của Đại sư Thái Hư, nhưng đã trải qua một tiến trình nâng cấp mang tính thời đại: hiện đại hóa, đời sống hóa và ứng dụng sâu rộng vào các sinh hoạt thường nhật. Phương thức truyền tải cũng được dịch chuyển sang ngôn ngữ đương đại giàu tính biểu cảm và tiệm cận với công chúng.

Nếu mô hình Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư đóng vai trò định hình bộ khung xương lý luận và xác lập nền tảng cấu trúc, thì hệ thống của Đại sư Tinh Vân đã phát triển thành một thực thể hoàn chỉnh, vận hành đồng bộ giữa lý thuyết và thực tiễn hành động.

Do sự khác biệt về bối cảnh thời đại, không gian địa lý cùng năng lực quản trị cá nhân, Đại sư Tinh Vân đã tạo ra một mô hình thực hành Phật giáo Nhân gian có tính sáng tạo, năng lực vận hành hành chính và mức độ thành công vượt trội so với giai đoạn tiền đề của Đại sư Thái Hư.

Trong phạm vi cấu trúc của Phật Quang Sơn và Hiệp hội Quốc tế Phật Quang, cuộc đại cách mạng toàn diện trên cả ba phương diện Giáo chế, Giáo sản và Giáo lý do Đại sư Thái Hư khởi xướng nay đã được hiện thực hóa trọn vẹn. Kết quả này phản ánh chính xác ý nghĩa ẩn dụ trong pháp hiệu của hai vị lãnh đạo:

Nếu “Thái Hư” (太虛) đại diện cho một khoảng không vô tận của hệ thống lý luận nền tảng, thì “Tinh Vân” (星雲, những áng mây huyền ảo được thắp sáng bởi linh hồn của thiên hà) chính là thực thể mang lại nội hàm thực tế với những sắc màu hành động sinh động, rõ nét và hiệu quả.

Tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Tinh Vân bén rễ từ tâm tính và trải nghiệm sinh mệnh, với xu hướng nhập thế phụng sự là xung lực nội tại, không bị tác động bởi môi trường bên ngoài. Đại sư khẳng định nỗ lực hiện thực hóa Tịnh độ nhân gian xuất phát từ căn tính bẩm sinh, bao gồm tư duy cộng sinh và mong muốn đại chúng tốt đẹp.

Tinh Vân Đại sư tự thuật rằng: *“Ngay từ trước khi chào đời, có lẽ số mệnh đã định sẵn để tôi trở thành một hành giả của Phật giáo nhân gian. Tôi luôn mang trong mình tâm nguyện hướng thiện, biết lắng nghe lẽ phải và sống vì người khác. Niềm vui của tôi là được hòa mình vào tập thể, đem lại hạnh phúc cho tha nhân, luôn hoan hỷ dung hợp và hướng tới sự đồng thể cộng sinh. Có lẽ từ trước khi chào đời, số mệnh đã định sẵn cho tôi căn tính của một hành giả Phật giáo Nhân gian. Bởi lẽ trong quan niệm sống của mình, tôi luôn hy vọng mọi người và đại chúng được tốt đẹp, mong sao đạo Pháp ngày càng trường tồn hưng thịnh, để tôi có thể dốc hết sức mình mang lại lợi ích cho đời, và mong sao dưới sự thành tựu của muôn vàn nhân duyên, lý tưởng về một cõi Tịnh độ giữa nhân gian sẽ sớm được hiện thực hóa. Tư tưởng và lý tưởng ấy luôn được tôi tiệm tiến thực hành mỗi khi có duyên sự. Đó hoàn toàn không phải do chịu ảnh hưởng từ bên ngoài, mà chính là căn tính bẩm sinh của tôi ngay từ thuở lọt lòng”.*

Bên cạnh căn tính bẩm sinh, tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Tinh Vân còn được đúc kết từ quá trình tham học, thực hành pháp môn “Thiền Tịnh cộng tu” (禪淨共修), và truyền thống Nông Thiền lâu đời của Phật giáo Trung Hoa. Hệ thống lý luận này đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc từ trào lưu “Công Thiền” (工禪) - một phong trào cải cách mang tính đột phá do Đại sư Thái Hư khởi xướng và được Hiệp hội Phật hóa Tân Thanh niên đẩy mạnh vào thập niên 1920.

Nền tảng Phật học thâm dày của Đại sư Tinh Vân không dừng lại ở việc nghiên cứu Đại Tạng Kinh. Trục tư duy này được định hình trực tiếp qua đời sống thường nhật, hệ thống giáo dục chốn tùng lâm và chính trải nghiệm hành trì thực tế.

Trong tiến trình hành trì, Đại sư Tinh Vân đã trải qua hệ thống mật hạnh nghiêm ngặt từ bế quan nhập thất, cấm túc, trì ngọ (không ăn quá trưa), chích máu viết kinh cho đến tịnh khẩu. Ngài đồng thời thực hành toàn diện mười pháp hạnh cốt lõi của đại thừa như biên chép, đọc tụng, thọ trì, diễn giảng, bái sám, tư duy và tu tập.

Quá trình tham thiền, niệm Phật chuyên sâu này đã dẫn dắt hành giả đạt tới các trạng thái chứng ngộ tâm linh mang tính bước ngoặt. Các viễn cảnh nội tâm được ghi nhận bao gồm trạng thái thân tâm tịch diệt, tư duy niệm - vô niệm đồng nhất, xóa bỏ ranh giới ngã - nhân, và trải nghiệm tiệm cận trạng thái hư không hóa hoàn toàn của thời gian lẫn không gian thực tại.

Hệ thống tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Tinh Vân đặc trưng bởi phương thức truyền tải tối giản, sử dụng ngôn từ đại chúng của đời sống thường nhật nhưng mang hàm ý sâu sắc và đa diện. Để định hình và nắm bắt trục lý luận cốt lõi này, bài viết hệ thống hóa qua năm điểm mấu chốt sau:

* Một là, định hình hệ thống đặc tính đa diện: Tư tưởng Phật giáo Nhân gian cấu thành từ bảy thuộc tính cốt lõi bao gồm tính nhân gian, tính đời sống, tính thời đại, tính vị tha, tính hỷ lạc, tính phổ tế và tính bình đẳng. Hệ thống lý luận khẳng định Đức Phật là bậc giác ngộ xuất thế từ thế gian, do đó đạo Phật mang bản chất nhập thế gắn liền với nhân loại. Mô hình này đặt trọng tâm vào giá trị đời sống thực tại, đề cao tiến trình xây dựng cấu trúc xã hội và chủ trương chủ động dấn thân vào các hoạt động phát triển của quốc gia.

* Hai là, nhất thể hóa triết lý đạo Phật vào đời sống thực tại: Vận dụng phương châm "*Phật pháp chính là đời sống, đời sống chính là Phật pháp*", hệ tư tưởng này định hướng cấu trúc lại đời sống con người trên năm trục giá trị cốt lõi: thịnh vượng về vật chất lẫn tinh thần; gia đình hòa hợp; trách nhiệm công vụ; đạo đức chính giác; và thanh lọc đời sống tình cảm. Lấy chủ nghĩa vị ích và lòng vị tha làm bản hoài, mô hình này quy định mọi hoạt động hành trì đều phải lấy mục tiêu giáo hóa, phụng sự và mang lại lợi ích thực tiễn cho cộng đồng làm gốc rễ.

* Ba là, phát huy giá trị hỷ lạc và định hình xu thế thời đại: Học thuyết định vị đạo Phật là tôn giáo của niềm hoan hỷ, có sứ mệnh cốt lõi là chuyển hóa khổ đau và mang lại an lạc cho số đông. Để thực hiện mục tiêu này, Phật giáo phải đồng hành và tương thích với các trào lưu tiến bộ nhằm định hình phương hướng cho sự phát triển của thời cuộc. Dù bao quát mọi chiều không gian và thời gian, mô hình của Đại sư Tinh Vân đặc biệt ưu tiên trục cứu độ phổ quát ngay trong kiếp sống hiện tại, tại thế giới thực tại và hướng tới toàn nhân loại.

* Bốn là, xác lập tiêu chuẩn mở về nội hàm giáo pháp: Hệ tư tưởng này đưa ra một định nghĩa mang tính bao quát và thực tiễn: *"Phàm là Phật pháp khế lý khế cơ, chỉ cần có thể tăng tiến lợi ích và phúc lợi của nhân loại, chỉ cần có thể ban phát, đem lại lợi ích lớn lao và sự đầy đủ cho người khác cho tất cả chúng sinh, thì thảy đều là Phật giáo Nhân gian."* Tiêu chí này xóa bỏ mọi ranh giới giáo điều biệt lập, khẳng định bất kỳ phương pháp hành trì nào có khả năng nâng

cao chất lượng an sinh xã hội và phụng sự nhân sinh đều được thâu nhiếp vào trục cốt lõi của Phật giáo Nhân gian.

* Năm là, nhất thể hóa giáo pháp dựa trên nhu cầu thực tế của nhân loại: Hệ tư tưởng này đúc kết một chân lý trực diện: *"Phật giáo Nhân gian chính là nền Phật giáo mà nhân sinh cần đến."* Mọi giáo pháp do Đức Phật truyền dạy, mọi giá trị mang tính thanh tịnh, hướng thiện và tương thích với nhu cầu của con người, hễ đóng vai trò trợ duyên cho tiến trình xây dựng một nhân sinh hạnh phúc thì thảy đều mang bản chất của Phật giáo Nhân gian.

Từng có thời kỳ, Phật giáo truyền thống tại Trung Hoa Dân Quốc rơi vào lối mòn "lánh đời". Xu hướng đóng cửa chốn sơn lâm và tư duy tự liễu đã làm phai nhạt đi tính nhân gian cốt lõi. Hệ quả là một bức tường ngăn cách vô hình được dựng lên, khiến những người muốn hướng Phật phải e dè trước cửa thiền.



Đại sư Tinh Vân. Ảnh: Internet

Vì vậy, Phật giáo hiện đại cần chuyển mình mạnh mẽ hướng về đại chúng. Phật giáo Nhân gian không bó hẹp trong không gian chùa chiền, mà lấy gia đình làm Phật đường, biến xã hội thành tự miếu. Thay vì chỉ tập trung vào các nghi lễ siêu độ vong linh, sứ mệnh cốt lõi của Phật giáo Nhân gian là kiến tạo xã hội hòa hợp, thúc đẩy chính trị minh bạch và phát triển kinh tế bền vững. Việc đồng hành và giải quyết các vấn đề nhân sinh một cách hợp pháp, hợp tình chính là cách hiện thực hóa giá trị nguyên bản mà Đức Phật đã định hình.

Thứ hai, Phật giáo Nhân gian không phải là một khái niệm mới mẻ hay tách biệt, mà chính là sự kế thừa nhất quán và trọn vẹn giáo pháp từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Lý tưởng của Phật giáo Nhân gian vốn bắt nguồn từ chính cuộc đời và lời dạy của Đức Phật. Đây là một dòng chảy tư tưởng liên tục, không đứt gãy, lấy con người và cuộc sống hiện sinh làm trung tâm.

Phật giáo Nhân gian hoàn toàn không phải là một trào lưu lập dị nhằm tự làm nổi bật mình, mà chính là cuộc phục hưng căn bản mang tính cội nguồn của Phật pháp. Xét về hệ thống giáo lý, mọi tư tưởng cốt lõi từ Ngũ giới Thập thiện, Tứ vô lượng tâm, Lục độ Tứ nhiếp, cho đến quy luật Nhân duyên quả báo và hệ tư tưởng Thiền - Tịnh - Trung đạo... tất cả đều đồng nhất với tinh thần nhập thế. Đây là những tôn chỉ tối cao, được tuyên thuyết xuyên suốt trong cả kinh điển Phật giáo nguyên thủy lẫn các luận thuyết Đại thừa.

Nhận định về tính chính danh này, Giáo sư Trần Binh khẳng định, những tư tưởng cốt lõi từ tự lợi lợi ta, trung hiếu ái quốc, cho đến lối sống khiêm nhường, dung nhẫn và cần cù mà Tinh Vân Đại Sư hoằng dương đều bắt nguồn sâu rễ từ kinh giáo. Vị giáo sư nhấn mạnh: *“Xét từ nội dung và thực tiễn, hầu như mỗi câu mỗi chữ của Phật giáo Nhân gian đều có chỗ dựa trong kinh điển; mỗi một sự việc đều biểu hiện tinh thần vốn có của đức Phật. Đây là nền Phật giáo nguyên bản đích thực, hoàn toàn không phải là tông phái mới hay tà thuyết dị đoan rời xa giáo pháp”.*

## 1. Phật giáo Nhân gian là nền Phật giáo viên dung

Thừa kế tư tưởng của Thái Hư Đại sư, Phật giáo Nhân gian do Tinh Vân Đại sư khởi xướng mang tính chất “bát tông kiêm hoằng” (gồm các tông phái: Thiền, Tịnh Độ, Mật, Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Pháp Tướng, Tam Luận và Luật). Nền Phật giáo này không định hình cố định ở một tông phái và không câu nệ giữa Đại thừa hay Tiểu thừa.

Tinh Vân Đại sư nhận định, lịch sử Phật giáo Ấn Độ chia thành hai giai đoạn lớn. Giai đoạn 100 đến 300 năm đầu tiên là thời kỳ “Tiểu hành Đại ẩn”, khi Phật giáo Tiểu thừa thịnh hành và Đại thừa ẩn khuất. Sau 600 năm, lịch sử chuyển sang thời kỳ “Đại hành Tiểu ẩn”, với sự hưng thịnh của Phật giáo Đại thừa và sự lu mờ của Tiểu thừa.

Giai đoạn sau 1.000 năm là thời kỳ “Mật chủ Hiển tùng”, lấy Mật giáo làm chủ đạo và Hiển giáo đóng vai trò phụ thuộc. Đến nay, lịch sử bước vào thời đại của sự viên dung nhân gian. Hệ thống Phật giáo Nhân gian hiện đại hướng đến mục đích dung hợp, thống nhất toàn bộ các hình thái Phật giáo làm một, không phân biệt Tiểu thừa, Nam truyền, Đại thừa, Tây Tạng hay Trung Hoa. Mục tiêu này

bao quát toàn bộ tiến trình lịch sử, từ thời kỳ Đức Phật nguyên thủy cho đến nay. Việc thông suốt các thời kỳ và tông phái này đã thể hiện rõ nét tư tưởng tự do, thông đạt của Phật giáo Nhân gian.

## 2. Phật giáo Nhân gian là nền Phật giáo của sự thực hành và mang tính hiện đại hóa

Về phương diện cá nhân, hệ tư tưởng này kế thừa truyền thống coi trọng thực hành, đề cao việc chứng ngộ quả vị "Vô Sinh Pháp Nhẫn" - tức trạng thái nhận thức và an trụ vào bản tính không sinh không diệt của vạn pháp ngay trong đời sống thường nhật.

Về phương diện xã hội, Phật giáo Nhân gian mở rộng phạm vi thực hành, đưa các giá trị Phật giáo thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống hiện đại. Mô hình này được định vị là biểu mẫu cho sự văn minh, tiến bộ và thiết thực. Mục tiêu cốt lõi của Phật giáo Nhân gian là hiện thực hóa giáo lý vào cuộc sống, đồng thời xây dựng một cõi Tịnh độ ngay trong lòng xã hội đương đại.

Trên nguyên tắc *"Phật pháp và thế gian pháp bất nhị"* - xem đạo Phật và cuộc sống đời thường là một thể dung hòa - Tinh Vân Đại sư đề xuất phương châm *"Phật pháp vi thể, thế học vi dụng"* (dùng Phật pháp làm bản thể, lấy học thuật thế gian làm công dụng).

Theo đó, người tu học cần lấy trí tuệ Phật giáo làm gốc, đồng thời chủ động tiếp cận các kiến thức, kỹ năng xã hội như thiên văn, địa lý, y học, toán học, hàng hải, thương mại và tâm lý học để phục vụ cộng đồng.

Phương châm này yêu cầu sử dụng nhãn quan Phật giáo để quán chiếu và đưa ra giải pháp thực tiễn cho các vấn đề đương đại. Các lĩnh vực ứng dụng bao gồm: kinh tế dân sinh, chính trị quốc tế, dân chủ nhân quyền, cải cách giáo dục, xung đột sắc tộc, bạo lực gia đình; cho đến các vấn đề y sinh, môi trường như bảo vệ hệ sinh thái, sức khỏe sinh sản, thụ tinh trong ống nghiệm, hiến tặng nội tạng và các hiện tượng đời sống như phong thủy, bói toán.

Đối với các vấn đề mang tính tranh cãi toàn cầu như tự sát, hình phạt tử hình, vũ khí hạt nhân, chiến tranh, an tử và nhân bản vô tính, phương châm này đòi hỏi việc tiếp thu sâu rộng các ngành y học, tâm lý học và khoa học sinh hóa. Việc kết hợp khoa học thế gian với triết lý đạo Phật nhằm cung cấp góc nhìn đa chiều, góp phần định hướng và giải tỏa những nhận thức lệch lạc trong xã hội hiện đại.

Sinh thời, Tinh Vân Đại sư từng tổ chức chuỗi diễn thuyết nhằm giải quyết các mối quan tâm của xã hội. Các chủ đề được ngài tiếp cận trực diện dưới nhãn

quan Phật giáo bao gồm: đạo đức, nữ giới, chính trị, trung hiếu, tương lai, vận mệnh, tình yêu và quan niệm về của cải, phúc thọ. Bên cạnh đó, cố đại sư còn đưa ra các phương pháp tiếp cận của Phật giáo đối với những vấn đề mang tính thời đại, từ các trạng thái bệnh lý tâm lý, bệnh lý xã hội cho đến các hủ tục dân gian.

Mối quan hệ tương quan này tiếp tục được luận giải chuyên sâu trong các tác phẩm do ngài biên soạn, tiêu biểu là tập "Phật giáo và thế học", "Phật học thực dụng" (thuộc bộ Sách giáo khoa Phật Quang) và chuyên đề "Giáo dụng" (thuộc Tùng thư Phật học). Tại đây, Tinh Vân Đại sư làm rõ vai trò của Phật giáo khi đặt trong hệ quy chiếu với hầu hết lĩnh vực đời sống, từ khoa học cơ bản, triết học, pháp luật, giáo dục đến các ngành kinh tế - kỹ thuật như quản lý, doanh nghiệp, du lịch, nông lâm nghiệp, kiến trúc, giao thông, in ấn, bảo vệ môi trường, nghệ thuật, lễ tục và tư vấn tâm lý.

Qua các công trình này, Tinh Vân Đại sư luận giải về nhãn quan và giá trị thực tiễn của Phật giáo, đồng thời chỉ ra những điểm hạn chế của học thuật thế gian và các quan niệm mê tín. Hệ thống nội dung này bao quát phần lớn các vấn đề xã hội cùng các ngành khoa học thuộc cả ba khối: Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và công nghệ.

Trong lịch sử Phật giáo cận đại, Thái Hư Đại sư là người tiên phong đưa ra những bình luận hệ thống về thế học. Tuy nhiên, các nghiên cứu và khảo sát thực tế cho thấy, hệ thống lý luận của Tinh Vân Đại sư sở hữu biên độ bao phủ rộng và toàn diện hơn trên các lĩnh vực đời sống.

## 3. Phật giáo Nhân gian mang đặc tính Tự do và Dân chủ

Hệ thống lý luận của Thái Hư Đại sư từng đặt nền móng cho cấu trúc "tư tưởng tự do Phật đà" (Đức Phật Thích Ca Mâu Ni) là một tinh thần khai phóng, tiến bộ và độc đáo duy nhất trong lịch sử tôn giáo nhân loại, nơi con người không bị ràng buộc bởi đức tin mù quáng mà được trao toàn quyền làm chủ vận mệnh của chính mình, mở đầu cho xu hướng Phật giáo tự do hiện đại. Tiếp nối trào lưu phát triển xã hội, Tinh Vân Đại sư tiếp tục thúc đẩy các giá trị này bước sang giai đoạn mới.

Biểu hiện cốt lõi của xu hướng này là việc thực thi quyền bình đẳng giữa tăng sĩ và cư sĩ Phật tử, dung hợp giữa giới xuất gia và tại gia trong nội bộ tôn giáo. Đồng thời, mô hình này hướng đến việc chủ động đóng góp vào tiến trình xây dựng các giá trị tự do, dân chủ trong đời sống xã hội.

Theo góc nhìn lịch sử của Tinh Vân Đại sư, xã hội loài người đã tiến hóa qua ba giai đoạn: từ thời đại "Thần quyền" sùng bái sức mạnh tự nhiên khi dân trí sơ khai, qua thời đại "Quân quyền" phục tùng tuyệt đối chế độ quân chủ, và nay là thời đại "Dân quyền" của xã hội dân chủ hiện đại.

Trên cơ sở đó, cố đại sư đề xướng các giá trị về dân quyền và nhân quyền, khẳng định quyền tôn nghiêm của mạng sống con người. Các quyền cơ bản như sinh tồn, tự do, bình đẳng, tài sản, văn hóa và tham chính đều cần được bảo đảm.

Dù xu hướng tự do dân chủ mang tính phổ quát, Tinh Vân Đại sư nhận định tình trạng bạo lực, bức hại về chính trị, sắc tộc và tôn giáo vẫn diễn ra tại nhiều khu vực. Ngài nhấn mạnh, mục tiêu nhập thế của Phật giáo không thể tách rời việc bảo vệ con người trước các hình thức áp bức này.

Từ tư tưởng này, Tinh Vân Đại sư từng kêu gọi lưỡng đảng (Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản) tôn trọng nhân quyền và thuận theo nguyện vọng của người dân.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Trung Hoa Quốc dân Đảng diễn ra từ ngày 7 đến 13/7/1988 tại Đài Bắc, ngài thẳng thắn bày tỏ kỳ vọng đảng này cần mở rộng thế ứng xử bao dung, dung nạp các nhân sĩ có chính kiến khác biệt. Đại sư nhấn mạnh xu thế cởi mở, tự do và dân chủ là tất yếu lịch sử, lực lượng nào thuận theo lòng dân mới nhận được sự ủng hộ của quần chúng.

Mặt khác, ngài cũng kiến nghị các nhà lãnh đạo chính quyền Bắc Kinh tôn trọng nhân quyền để trả tự do cho các nhân sĩ bất đồng chính kiến. Tinh Vân Đại sư khẳng định "tự do", "dân chủ" và "thịnh vượng chung" chính là ba nền tảng cốt lõi cho tiến trình thống nhất hai bờ eo biển Đài Loan.

## 4. Phật giáo Nhân gian hướng đến xây dựng cõi Tịnh độ tại thế

Khác với tín ngưỡng Phật giáo truyền thống Trung Hoa thường đặt mục tiêu vãng sinh về thế giới Tây phương sau khi lâm chung, Tinh Vân Đại sư tập trung vào việc kiến tạo một không gian an lạc ngay trong đời sống hiện tại. Dù không phản đối quan niệm truyền thống, ngài đặt câu hỏi về việc thay vì gửi gắm hy vọng vào một tương lai bất định, tại sao không chủ động chuyển hóa xã hội đương đại thành một cõi Tịnh độ an hòa và thịnh vượng.

Theo góc nhìn của cố đại sư, một cõi Tịnh độ nhân gian sẽ hiện thực hóa khi xã hội loại bỏ được các vấn nạn: tội phạm xâm nhiễu, bức hại chính trị, khủng hoảng kinh tế, xung đột tình cảm, tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường.

Thay vào đó, cuộc sống được lấp đầy bởi tinh thần tương thân tương ái của những con người thiện lương. Khi các điều kiện sống này được bảo đảm, thế gian hiện thực chính là cõi Tịnh độ mà không cần tìm cầu ở nơi nào khác.

Mô hình này không thay thế cho Tây phương Tịnh độ truyền thống, mà được định danh là "Tịnh độ Phật Quang". Đây là không gian hướng tới việc thăng hoa nhân sinh, thanh tịnh hóa đời sống xã hội, dung hợp các tông phái và là nơi đồng cư cộng sinh của Ngũ thừa (năm cấp độ tu tập phù hợp với căn cơ của từng đối tượng). Hệ thống đạo tràng Phật Quang do cố đại sư và các đệ tử xây dựng chính là mô hình thực tiễn cho lý tưởng này.

Bên cạnh không gian thực tế, hệ tư tưởng này còn đề cao "Tịnh độ duy tâm" - trạng thái thanh tịnh, vô nhiễm ngay trong tâm thức mỗi người. Đây được xem là nền móng cốt lõi để kiến tạo cõi Tịnh độ giữa đời thực. Để đạt được trạng thái này, cá nhân cần thực hành bốn phương châm sống chủ đạo: bình an trước mọi hoàn cảnh (tùy ngộ nhi an), thuận theo nhân duyên (tùy duyên sinh hoạt), giữ lòng tự tại (tùy tâm tự tại) và hành động với sự hoan hỷ (tùy hỷ nhi tác).

## III. Dị biệt về Phật giáo Nhân gian giữa Đại sư Thái Hư và Đại sư Tinh Vân

Trong thế kỷ XX, các hiện tượng văn hóa - xã hội Trung Quốc đều mang dấu ấn song hành của cả hai giai đoạn: Trung Hoa Dân Quốc và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của mỗi thời kỳ lên từng hiện tượng có sự đậm nhạt khác nhau.

Dù khai sinh trong thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc và sau này đạt vị thế chính thức dưới thời Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phật giáo Nhân gian về bản chất vẫn mang đậm tinh thần và khí tượng của giai đoạn "Trung Hoa Dân Quốc" (1912-1949). Đây là thời kỳ bản lề chứng kiến Phật giáo Trung Hoa chuyển mình mạnh mẽ từ truyền thống sang hiện đại để thích ứng với làn sóng Tây học và những biến động chính trị sâu sắc. Khảo sát từ nguồn gốc lịch sử cho đến các khái niệm tinh thần nội tại đều cho thấy rõ khuynh hướng mang tính cốt lõi này.

Hệ tư tưởng này khởi nguồn từ các nhà tư tưởng tiêu biểu thời Trung Hoa Dân Quốc như Thái Hư, Ấn Thuận và Tinh Vân - những nhân vật đại diện cho phong thái và khí tượng tinh thần của thời đại. Chính bối cảnh lịch sử đầy biến động nhưng mang tính đa nguyên của giai đoạn này đã tôi luyện nên khí chất, trí tuệ và tư tưởng mang tính khai phóng của Phật giáo Nhân gian.

Các số liệu và phân tích chuyên sâu về bối cảnh lịch sử, văn hóa của phong trào Phật giáo Nhân gian hiện được lưu trữ, hệ thống hóa trong các tài liệu chuyên

ngành về thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc.

Các nhà tư tưởng của Phật giáo Nhân gian sở hữu mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống chính trị thời kỳ Trung Hoa Dân quốc. Trước khi chính thể này thành lập, Thái Hư Đại sư đã duy trì quan hệ mật thiết với các thành viên đảng cách mạng. Sau năm Tân Hợi (1911), Đại sư tiếp tục giữ mối bang giao với giới lãnh đạo cấp cao của Quốc dân đảng. Do mức độ can dự sâu vào các hoạt động công cộng, ngài từng nhận về những đánh giá trái chiều là "nhà sư chính trị".

Tương tự, sau khi chuyển sang Đài Loan, Tinh Vân Đại sư đã chính thức gia nhập Quốc dân đảng. Ngài lần lượt đảm nhiệm vai trò Cố vấn Đảng vụ cho Ủy ban Trung ương vào năm 1986 và được bầu làm Ủy viên Hội đồng Bình nghị Trung ương vào tháng 7/1988. Việc thường xuyên xuất hiện và đưa ra quan điểm trước các nghị trình chính trị lớn cũng khiến cố đại sư gắn liền với biệt danh "nhà sư chính trị" từ dư luận.

Đại sư Tinh Vân chủ trương ***"quan tâm đến chính trị nhưng không tham chính"***, xem các chính trị gia là đối tượng cần được chia sẻ triết lý đạo Phật như mọi tầng lớp xã hội. Xuất phát từ lập trường này, ngài duy trì việc tiếp đón đại diện của tất cả các bên tham chính. Khi các thành viên thuộc Liên minh Xanh lam (khối đa số do Quốc dân Đảng dẫn đầu) tìm đến, ngài bị dư luận gắn mác thuộc phe phái này. Ngược lại, khi tiếp xúc với các đại diện thuộc Liên minh Xanh lá (khối do Đảng Dân tiến DPP lãnh đạo), ngài lại đối mặt với những ý kiến chỉ trích.

Sự bất nhất trong cách đánh giá của dư luận từng là mối bận tâm lớn của cố đại sư. Để khẳng định lại vai trò trung lập của tôn giáo, ngài nhấn mạnh các đệ tử và Phật tử của mình không phân biệt xu hướng chính trị theo phe Xanh hay phe Xanh lá.

Tháng 9/1992, Đại sư Tinh Vân làm rõ nguyên nhân chấp nhận danh hiệu Ủy viên Hội đồng Cố vấn Trung ương Quốc dân đảng. Ngài nhận định, việc tham gia này mang lại giá trị tích cực cho đạo Phật, chứng minh sức ảnh hưởng của tôn giáo trước các cơ quan quản lý. Việc từ chối có thể giúp cá nhân ngài giữ được sự độc lập, tránh các đánh giá trái chiều về mặt chính trị, nhưng lại gián tiếp tạo ra định kiến rằng giới Phật giáo thiếu nhân tài.

Với tinh thần nhập thế, ngài khẳng định các quyết định thúc đẩy lợi ích xã hội cần được ưu tiên hơn danh tiếng cá nhân. Việc đảm nhiệm chức danh này vừa phản ánh sự công bằng của hệ thống chính trị đối với các tôn giáo, vừa khẳng định năng lực nội tại của giới Phật giáo. Qua đó, cố đại sư đúc kết thái độ chuẩn mực của tôn giáo đối với chính trị: Quan tâm đến các vấn đề xã hội nhưng không can thiệp sâu vào các công việc hành chính quản trị.

Trong cuộc phỏng vấn truyền thông năm 2008, Đại sư Tinh Vân khẳng định quyền tham gia các hoạt động dân sự của người xuất gia với tư cách là một công dân hợp pháp. Ngài lập luận rằng, tăng sĩ vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế, đi nghĩa vụ quân sự và tham gia bầu cử. Do đó, việc thể hiện trách nhiệm đạo nghĩa qua việc lựa chọn những nhà lãnh đạo có năng lực là quyền lợi và trách nhiệm chính đáng, không thể quy chụp là hành vi can thiệp chính trị.

Lập trường này được cụ thể hóa bằng cấu trúc tổ chức mang tính dân chủ tại Hệ thống chùa Phật Quang Sơn (Fo Guang Shan) là tổ chức Phật giáo lớn nhất tại Đài Loan, nổi tiếng khắp thế giới với mạng lưới hơn 300 chi nhánh đạo tràng toàn cầu và tôn chỉ lan tỏa "Phật giáo Nhân văn". Từ quy trình truyền thừa y bát đến cơ chế quản lý và định hướng phát triển, tất cả đều được vận hành thông qua hệ thống tổ chức chặt chẽ. Mô hình quản trị nội bộ này là minh chứng rõ nét cho thấy ảnh hưởng sâu sắc từ tư duy chính trị quốc gia thời Trung Hoa Dân quốc đối với sự hình thành và phát triển của Phật giáo Nhân gian.

Bên cạnh yếu tố chính trị, Phật giáo Nhân gian còn có mối liên hệ mật thiết với hệ tư tưởng thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc. Về mặt bản chất, phong trào đổi mới Phật giáo là hệ quả tất yếu từ cuộc cách mạng chính trị năm Tân Hợi (1911). Tiến trình lịch sử này không chỉ khai sinh ra thể chế mới mà còn đặt nền móng cho sự hình thành của Phật giáo Nhân gian. Trong hệ thống lý luận của Đại sư Thái Hư, tầm ảnh hưởng từ tư tưởng tiến bộ của thời đại Trung Hoa Dân Quốc được thể hiện đồng bộ và xuyên suốt.

Trong các công trình nghiên cứu và diễn giảng giáo lý, Thái Hư Đại sư thường xuyên phân tích sâu sắc về Chủ nghĩa Tam Dân. Mô hình "Chủ nghĩa Tam Phật" do ngài đề xuất được nhận định là khơi nguồn trực tiếp từ cấu trúc của hệ tư tưởng này (gồm Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do và Dân sinh hạnh phúc).

Mối liên hệ tương quan giữa hai hệ thống tư tưởng được thể hiện rõ nét qua bài diễn thuyết "Phật học là gì", do Thái Hư Đại sư trình bày tại Hội Phật giáo Hán Khẩu vào năm 1929.

Nhằm làm rõ luận điểm này, Thái Hư Đại sư dẫn lại nhận định của Tôn Trung Sơn khi nhìn nhận *"Phật giáo là cái Nhân cứu thế"*, đồng thời khẳng định Phật học có khả năng *"bù đắp cho sự phiến diện của khoa học"*.

Theo diễn giải của Thái Hư Đại sư, khái niệm "Nhân cứu thế" chính là biểu hiện của tinh thần từ bi và các giá trị đạo đức trong Phật giáo. Hệ tư tưởng này bổ khuyết cho khoa học đương thời bởi khoa học tự nhiên có xu hướng thiên lệch về mặt vật chất, trong khi Phật học cân bằng cả yếu tố vật chất lẫn tinh thần. Xét trên phương diện tư duy, nếu khoa học vận hành dựa trên lý trí, thì hệ thống lý luận tâm lý của Phật học cũng được xây dựng dựa trên nền tảng lý

tính, từ đó tạo ra một không gian bao hàm cả các giá trị khoa học.

Khi phân tích mối tương quan giữa Phật học với tôn giáo và khoa học, Thái Hư Đại sư thực hiện phép đối chiếu trực tiếp giữa hệ tư tưởng này với Chủ nghĩa Tam Dân. Ngài luận giải, tương tự khả năng đoàn kết quốc dân và dẫn dắt phong trào cách mạng của Chủ nghĩa Tam Dân, Phật học sở hữu sức mạnh liên kết tôn giáo sâu sắc. Giá trị này cốt lõi nằm ở việc định hướng nhận thức xã hội, khai mở tư duy để cùng hướng tới các giá trị giác ngộ và văn minh.

Trong nội dung luận giải về mối quan hệ giữa Phật học với chính trị và xã hội, Thái Hư Đại sư phân tích sâu về *"Nhân sinh quan của chính thể cộng hòa"*. Ngài chỉ ra rằng, sự suy vi của Phật giáo vào cuối thời nhà Thanh xuất phát từ việc giáo lý này không tương thích với thể chế quân chủ chuyên chế. Ngược lại, khi chuyển dịch sang giai đoạn Trung Hoa Dân Quốc, số lượng người tiếp cận và nghiên cứu Phật học gia tăng mạnh mẽ nhờ tính đồng điệu giữa nhân sinh quan Phật giáo và trào lưu tư tưởng hiện đại.

Theo Thái Hư Đại sư, tư tưởng cốt lõi của Phật học khẳng định mọi cá nhân đều có năng lực đạt đến sự giác ngộ tối cao nếu chủ động phát tâm và thực hành các giá trị nhập thế. Lập trường này tương đồng với nguyên tắc vận hành của một chính thể cộng hòa dân chủ: Mọi công dân sở hữu đầy đủ học thức, đạo đức và ý chí phụng sự cộng đồng đều có cơ hội bình đẳng để trở thành nhà lãnh đạo hành chính. Bản chất bình đẳng mang tính phổ quát này chính là giao điểm lớn nhất giữa đạo Phật và xã hội hiện đại.

Tiếp tục triển khai mạch lập luận, Thái Hư Đại sư luận giải về "Vũ trụ quan của xã hội đại đồng" dựa trên triết lý "Thiên hạ vi công" (thiên hạ là của chung). Đây là đích đến chung của nhân loại và cũng là mục tiêu cốt lõi của Chủ nghĩa Tam Dân. Ngài chỉ ra rằng, một xã hội đại đồng toàn cầu được cấu thành từ tế bào gốc là từng cá nhân. Do đó, hành vi mang tính đạo đức hay tiêu cực của mỗi người đều tạo ra hiệu ứng chuyển động, ảnh hưởng trực tiếp đến cục diện chung. Hệ quả tương sinh này đồng điệu với thế giới quan Phật giáo về tính nhất thể của vạn vật: Mỗi bản thể riêng biệt đều chứa đựng và phản chiếu toàn bộ quy luật của vũ trụ.

Tiếp nối tư tưởng này, trong các buổi diễn giảng sau này, Đại sư Tinh Vân cũng nhiều lần phân tích sâu về tầm ảnh hưởng của Chủ nghĩa Tam Dân đối với tiến trình kiến tạo quốc gia và phát triển xã hội ổn định.

Xét trong hệ thống phả hệ Phật giáo thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc, tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư và Đại sư Tinh Vân mang tính tương thừa và nhất quán về mặt bản chất nội tại. Đây là hai giai đoạn phát triển và hai hình thức biểu hiện khác nhau của cùng một hệ tư tưởng, thay vì là hai mô hình Phật

giáo biệt lập.

Hai nhà tư tưởng đều xuất phát từ nền tảng của Phật giáo truyền thống Trung Hoa, mang đậm trí tuệ và phong cốt bản địa, nhưng đồng thời sở hữu tư duy cởi mở trong việc dung hợp các truyền thống Phật giáo khác. Trên cơ sở đó, hai vị đại sư tích cực thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa qua việc cấu trúc lại hệ thống lý luận, xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế vận hành mới để thích ứng với thời đại. Hoạt động của hai vị Đại sư không chỉ đóng khung trong phạm vi quốc gia mà hướng đến vũ đài quốc tế, vừa chủ động tiếp thu các giá trị văn minh thế giới, vừa hoằng dương các giá trị văn hóa Trung Hoa ra toàn cầu.

Hệ tư tưởng này mang tính chất cách mạng, gắn liền với các giá trị tự do, dân chủ, bình đẳng, hòa bình và trách nhiệm xã hội. Trên phương diện quản trị, hai nhà tư tưởng duy trì mối quan hệ xây dựng và độc lập với thể chế nhà nước hiện đại, bảo đảm tính gắn kết hành động nhưng không chịu sự chi phối hay kiểm soát về mặt hệ thống.

Trong hoạt động hoằng pháp, hai vị Đại sư đồng thời thúc đẩy cả tám tông phái Đại thừa (gồm: Thiền, Tịnh Độ, Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Pháp Tướng, Tam Luận, Mật và Luật) mà không tự giới hạn vào một trường phái biệt lập. Dù mang tư duy bao quát, mô hình này vẫn ưu tiên xu hướng khai phóng của Thiền tông và khả năng tiếp cận đại chúng đa tầng cấp của Tịnh Độ tông Trung Hoa.

Từ nền tảng thực chứng tâm linh và tuân thủ nghiêm ngặt giới luật, hai vị đại sư đồng thuận với mục tiêu xây dựng cõi Tịnh độ hiện thực ngay giữa đời thường. Mô hình vận hành của nền Phật giáo này bám sát phương châm “Phật pháp vi thể, thế học vi dụng”, sử dụng nhãn quan bình đẳng của giáo lý để giải quyết các vấn đề bất bình đẳng trong lòng xã hội.

Dù đồng nhất về mặt bản chất cốt lõi, hệ tư tưởng Phật giáo Nhân gian của Đại sư Thái Hư và Đại sư Tinh Vân vẫn tồn tại những nét khác biệt rõ rệt. Sự phân hóa này phản ánh chiều sâu phong thái tư tưởng và đặc trưng khí chất cá tính riêng biệt của mỗi nhà lập thuyết.

* Về cá tính: hai nhà tư tưởng thể hiện hai nét đặc trưng đối lập. Đại sư Thái Hư mang phong thái sắc sảo, độc đáo và có phần khác biệt, trong khi Đại sư Tinh Vân lại hướng đến sự bình hòa, dung dị và gần gũi. Sự tương phản này tạo nên hai phương thức tiếp cận và dấu ấn cá nhân riêng biệt trong dòng chảy đổi mới Phật giáo.

* Về phương diện ngôn ngữ: phong cách diễn đạt của hai vị đại sư phản ánh rõ rệt nét cá tính riêng. Tiến trình lập thuyết của Đại sư Thái Hư trải qua ba giai đoạn chuyển biến lớn với hệ thống thuật ngữ đa dạng, học thuật, song đôi lúc

mang tính hàn lâm chuyên sâu và khó tiếp cận với đại chúng. Ngược lại, Đại sư Tinh Vân định hình một văn phong bình dị, sử dụng lối tư duy tự sự mang tính chia sẻ, giúp thông điệp truyền tải trở nên rõ ràng và dễ tiếp cận.

* Về phương diện hộ giáo: cả hai vị đại sư đều nhất quán trong mục tiêu bảo vệ giáo pháp và phản ánh trực diện các vấn đề tiêu cực của thời đại. Tuy nhiên, điểm khác biệt lớn nằm ở phương thức thực hiện. Đại sư Tinh Vân thể hiện thế mạnh rõ rệt ở năng lực tổ chức hệ thống và khả năng vận hành thực tiễn, giúp chuyển hóa các ý tưởng hộ pháp thành mô hình hành động có sức ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội.

* Về phương diện phán giáo (giáo tướng phán thích): hai nhà tư tưởng lựa chọn hai lối tiếp cận trái ngược. Đại sư Thái Hư xây dựng một hệ thống phân định giáo lý quy mô và nghiêm ngặt, tích hợp toàn bộ tiến trình lịch sử Phật giáo và dung nạp các nền văn hóa toàn cầu. Ngược lại, Đại sư Tinh Vân không tập trung vào việc lập thuyết hay phân loại giáo tướng hệ thống, mà ưu tiên tính ứng dụng thực tiễn của giáo pháp vào đời sống.

* Về phương diện nghĩa lý Phật pháp: hai nhà lập thuyết định hình hai trường phái tư duy khác biệt. Đại sư Thái Hư tập trung nghiên cứu Duy Thức tông, kiến tạo hệ thống Duy Thức học mới mang tính dung hợp và sử dụng lý thuyết này làm công cụ phân tích các hiện tượng văn hóa - xã hội. Trong khi đó, Đại sư Tinh Vân không đi theo xu hướng của một nhà duy thức học chuyên sâu; ngài chủ yếu vận hành nhãn quan Thiền học để diễn giải và ứng dụng kinh văn một cách linh hoạt, tự tại vào đời sống.

* Xét trong tiến trình hiện đại hóa Phật giáo Trung Hoa: cả hai vị đại sư đều đóng vai trò là những nhà đổi mới và kiến thiết hệ thống. Tuy nhiên, trọng tâm hành động của mỗi người có sự khác biệt lớn. Đại sư Thái Hư tập trung vào xu hướng “cách mạng” - tức phá vỡ các rào cản truyền thống và đặt nền móng lý luận mới. Trong khi đó, Đại sư Tinh Vân định hình vai trò của một nhà “kiến thiết”, hiện thực hóa các lý thuyết đổi mới thành những thành tựu cụ thể trong việc xây dựng thể chế và mô hình quản trị Phật giáo thời đại mới.

## Kết luận

Tôi đã từng phát biểu rằng: *“Từ Đại sư Thái Hư đến Đại sư Tinh Vân, trục tư tưởng của Phật giáo Nhân gian luôn vận hành dựa trên một tinh thần nhất quán nội tại: Giá trị tự do. Khái niệm này không chỉ giới hạn ở sự tự do giải thoát mang tính cá thể, mà được mở rộng thành sự giải thoát của toàn cộng đồng xã hội. Hành trình nhập thế và nỗ lực bảo vệ quyền tự do cho số đông của hai vị đại sư cũng chính là tiến trình hiện thực hóa trạng thái tự tại, tự do trong sinh*

*mệnh của mỗi nhà lập thuyết".*

Được hình thành và phát triển trong dòng chảy cách mạng thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc, Phật giáo Nhân gian đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc khôi phục sức sống cho đạo Phật, duy trì sự truyền thừa của giáo pháp, đồng thời góp phần bảo vệ và thúc đẩy các giá trị tự do trong xã hội. Với nền tảng thực tiễn vững chắc, hệ tư tưởng này được dự báo sẽ tiếp tục mở rộng tầm ảnh hưởng và phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Nhận định về triển vọng này, Đại sư Tinh Vân từng khẳng định:

*"Hệ tư tưởng Phật giáo Nhân gian là giải pháp thực tiễn để phục hưng đạo Phật và đóng góp vào tiến trình phát triển của văn minh nhân loại. Trải qua nhiều biến động, thế giới đương đại ngày càng nhận thức rõ vai trò kết nối, định hướng mang tính nhân văn của mô hình này. Thế kỷ XXI sẽ là giai đoạn chứng kiến sự phát triển hưng thịnh và khẳng định vị thế chủ lưu của Phật giáo Nhân gian trong đời sống xã hội toàn cầu".*

Tác giả: 李廣良 **(Lý Quảng Lương)**

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: 星雲大師全集

**Đôi nét về tác giả:**

Lý Quảng Lương - Giáo sư Học viện Triết học và Chính trị Pháp luật, Đại học Sư phạm Vân Nam, Trung Quốc.

Giáo sư Lý Quảng Lương (李廣良), chuyên gia trong lĩnh vực triết học truyền thống Trung Quốc, tập trung biện giải về mối quan hệ Nho - Phật thời cận đại và hệ tư tưởng "Phật giáo Nhân gian" (人间佛教) hiện đại. Các công trình khoa học đã công bố của ông xoay quanh ba trục nội dung chính: triết học Tuân Tử, Phật học cư sĩ thời cận đại và lý luận Phật giáo Nhân gian.

Trong hệ thống tác phẩm tiêu biểu, ông định hình dấu ấn với các cuốn sách như *"Tuân Tử - Nhìn sâu vào vùng hoang dã của nhân tính"* (荀子 - 凝视人性的荒野) và *"Sơ luận về cư sĩ Phật học thời cận đại Trung Quốc"* (中国近代居士佛学简论).

Giáo sư Lý Quảng Lương cũng đóng góp nhiều phát hiện mới trong việc đối chiếu hệ tư tưởng Phật giáo Nhân gian giữa Đại sư Tinh Vân và Đại sư Thái Hư, đồng thời mở rộng hướng tiếp cận dưới lăng kính của *"Tân Bát nhã học"* (新般若学).